

Số: 488/TB-TrTHCSXS

Mạo Khê, ngày 16 tháng 8 năm 2025

THÔNG BÁO
Công khai thông tin về kiểm định chất lượng giáo dục năm học 2024 -2025

STT	Nội dung	Tổng số	Các khối lớp			
I	Thông tin chung	389	Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
1	Kết quả tuyển sinh		92	120	91	86
2	Số HS bình quân/lớp	43,2	46	40	45,5	43
3	Học sinh nam/ nữ	206/183	51/41	61/59	43/48	51/35
4	Học sinh dân tộc TS	4	1	1	2	0
5	Học sinh khuyết tật	1	0	1	0	0
6	HS đến/đi - Tỷ lệ	7/5	2/1	2/2	2/2	1/0
II	Kết quả					
1	Hạng kiểm					
	Tốt- Tỷ lệ	351 = 90,2%	73 =79,4%	111 = 92,5%	86 = 94,5%	81 = 94,2%
	Khá- Tỷ lệ	34 = 8,74%	18 = 19,6%	9 = 7,5%	2 = 2,2%	5 =5,81%
	Trung bình- Tỷ lệ	4 = 1,03%	1 = 1,09 %	0	3 = 3,3 %	0
	Yếu- Tỷ lệ	0		0	0	0
2	Học lực					
	Giỏi/Tốt- Tỷ lệ	56=14,4%	14 = 15,2%	20 = 16,7 %	13 = 14,3 %	9 =10,5%
	Khá- Tỷ lệ	120 =30,9%	31 = 33,7%	34 = 28,3%	32 = 35,2 %	23 = 26,7%
	Trung bình/Đạt	212=54,5%	46 = 50%	66 = 55%	46 = 50,6%	54 = 62,8%
	Yếu/Chưa đạt- Tỷ lệ	1= 0,26%	1 = 1,09%	0		
	Kém- Tỷ lệ	0				
3	Kết quả cuối năm					
	Lên lớp - Tỷ lệ	388 = 98,97%	91 = 98,91%			
	HS xuất sắc- Tỷ lệ		0	1 = 0,83 %	1 = 1,09	0
	Học sinh giỏi - Tỷ lệ		14 = 15,2%	19 = 15,83 %	12 = 13,118 %	9 =10,5%
	HS tiên tiến - Tỷ lệ		31 = 33,7%	34 = 28,3%	32 = 35,2 %	23 = 26,7%

	Thi lại - Tỷ lệ		46 = 50%	66 = 55%	46 = 50,6%	54 = 62,8%
	Lưu ban- Tỷ lệ		1 = 1,09%	0		
	HS xét tốt nghiệp	86				86
	Học sinh tốt nghiệp	86				86
	Giỏi - Tỷ lệ	0				0
	Khá - Tỷ lệ	0				0
	Trung bình - Tỷ lệ	0				0
III	HS đạt giải các kỳ thi	16	0	3	4	9

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Tuyết Mai